

Bản án số: 956/2019/DS-PT
Ngày: 29/10/2019
V/v tranh chấp hợp đồng
bảo lãnh và yêu cầu hủy
giao dịch dân sự.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Thẩm phán: 1. Bà Trần Thị Thủy
2. Ông Trịnh Đắc Phú

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Liêm - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 08, 15 và 29 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 292/2019/TLPT-DS ngày 14/6/2019, về việc: “Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh và yêu cầu hủy giao dịch dân sự”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 125/2019/DS-ST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3850/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7312/2019/QĐ-PT ngày 16/9/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị Q**, sinh năm 1943 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Căn hộ 2A, chung cư Lầu 2, số 39 HBT, phường BN, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 42/4 UVK, Phường WT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty MN.

Địa chỉ: 3A - 3B TĐT, phường BN, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy Quyền của Công ty MN: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: 9/8 HXH, Phường 14, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy Quyền ngày 01/11/2018).

Người có Quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng VA

Địa chỉ: 119 - 121 NCT, phường NTB, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy Quyền của Ngân hàng VA: Ông Trần Đình Kh – Chuyên viên Phòng Pháp chế & Giám sát tuân thủ VAB (theo Giấy ủy Quyền ngày 12/9/2019) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN, KHÁNG CÁO

Theo đơn khởi kiện ngày 19/2/2013, các bản tự khai và quá trình giải Quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị Q trình bày:

Ngày 01/01/2010, bà (Q) và Công ty MN (sau đây gọi tắt là Công ty MN) có ký kết hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 35/10/VAB-SG/HĐNH (viết tắt là hợp đồng tín dụng số 35) với Ngân hàng VA- Chi nhánh Sài Gòn (gọi tắt là Ngân hàng VA). Trong đó: Công ty MN là bên vay, bà (Q) là bên thế chấp bảo lãnh cho Công ty MN để vay số vàng là 2.900 chỉ vàng SJC của Ngân hàng VA, với lãi suất là 0.6%/tháng. Thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày 01/2/2010 đến ngày 01/11/2010 là hết hạn vay.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên bà (Q) đã thế chấp tài sản thuộc Quyền sở hữu hợp pháp của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc các thửa đất số 16, 17, 18, 19, 20; tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại 78A Đồng Khởi, phường BN, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 061190 ngày 27/01/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A, có số vào sổ cấp GCN: H.00027. Kể từ khi vay đến ngày đáo hạn, Công ty MN không trả được vốn và lãi nợ cho Ngân hàng VA như thỏa thuận trong hợp đồng.

Đến ngày 10/12/2011, Ngân hàng VA khởi kiện Công ty MN ra Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bà (Q) tham gia tố tụng với tư cách là người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vì bà (Q) là người thế chấp tài sản để bảo lãnh cho Công ty MN và vì lo sợ Công ty MN không trả được nợ nêu trên thì Ngân hàng VA sẽ phát mãi tài sản mà bà (Q) đã thế chấp để bảo lãnh cho Công ty MN. Do đó, sau khi được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập bà (Q) đã thương lượng hòa giải và xin giảm một phần lãi suất với

ngân hàng để bà (Q) thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ ngay, Ngân hàng đồng ý và bà (Q) đã thực hiện xong nghĩa vụ bảo lãnh đối với Công ty MN nên Ngân hàng đã rút đơn khởi kiện. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định số 583/2011/QĐST-KDTM ngày 29/4/2011 về việc đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, kể từ khi bà (Q) thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay đến nay, Công ty MN không thực hiện nghĩa vụ của bên được bảo lãnh để thanh toán lại cho bà (Q). Mặc dù, ngay từ khi bà (Q) trả nợ thay Công ty MN thì bà (Q) đã nhiều lần thông báo cho phía Công ty MN biết và yêu cầu Công ty MN phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán lại số tiền nêu trên và yêu cầu trả lãi quá hạn kể từ ngày 29/3/2011. Sau nhiều lần yêu cầu Công ty MN thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng không thành bà (Q) đã gửi thông báo và đến tận trụ sở Công ty MN đòi và bị người đại diện theo pháp luật của Công ty MN báo Công an phường lập biên bản về việc gây mất trật tự nhưng vẫn không được thanh toán. Nay bà (Q) khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty MN phải trả cho bà (Q) số tiền gồm:

- Nợ gốc là: 2.969,22 chỉ vàng SJC tạm tính giá trị tương đương 13.000.000.000 đồng = 4.350.000 đồng x 2.969,22 (tạm tính giá 4.350.000 đồng/01 chỉ).

- Nợ lãi quá hạn tính từ 29/3/2011 đến ngày 29/3/2013 là 24 tháng tạm tính là 4.850.000.000 đồng và tiếp tục phát sinh cho đến khi xét xử.

Tại phiên Tòa bà Q yêu cầu Công ty MN chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc là: 2.969,22 chỉ vàng SJC qui đổi tại thời điểm thanh toán và lãi quá hạn theo pháp luật qui định tính đến ngày xét xử là 22.560.301.905 đồng: Trong đó:

Căn cứ giá bán ra của Công ty TNHH MTV vàng bạc đá quý Sài Gòn-SJC giá vàng ngày 8/5/2019 là 3.637.000 đồng/01 chỉ.

Về lãi: Căn cứ tính lãi suất quá hạn theo qui định của pháp luật là:

- Năm = $9\%/năm \times 150\% = 13.50\%/năm$ (trong đó lãi trong hạn là $9\%/năm$).

- Tháng: $0.75\%/tháng \times 150\% = 1.12\%/tháng$ (trong đó lãi trong hạn là $9\%/năm$).

- Ngày: $0.02\%/ngày \times 150\% = 0.03\%/ngày$ (trong đó lãi trong hạn là $9\%/năm$).

Vốn gốc: 2.969,22 chỉ x 3.637.000 đồng = 10.799.053.140 đồng. (a)

Thời gian tính: Từ ngày 29/3/2011 đến ngày 8/5/2019 là 08 năm 01 tháng 09 ngày.

Lãi quá hạn tính từ 29/3/2011 đến 29/3/2019 là 08 năm: $10.799.053.140 \text{ đồng} \times 13.50\% / \text{năm} \times 8 \text{ năm} = 11.662.977.391 \text{ đồng}$. (1)

Lãi quá hạn tính từ 29/3/2019 đến 29/4/2019 là 01 tháng: $10.799.053.140 \text{ đồng} \times 1.12\% / \text{tháng} \times 01 \text{ tháng} = 120.949.395 \text{ đồng}$. (2)

Lãi quá hạn tính từ ngày 29/4/2019 đến ngày xét xử là 9 ngày: $10.799.053.140 \text{ đồng} \times 0.03\% / \text{ngày} \times 9 \text{ ngày} = 3.239.716 \text{ đồng}$. (3)

Như vậy, số tiền lãi quá hạn phải thanh toán là: (1) + (2) + (3) = $11.662.977.391 \text{ đ} + 120.949.395 \text{ đ} + 3.239.716 \text{ đ} = 11.787.166.502 \text{ đồng}$. (b)

Tổng cộng bị đơn Công ty MN phải thanh toán là: (a) + (b) = $10.799.053.140 \text{ đ} + 11.787.166.502 \text{ đ} = 22.586.219.642 \text{ đồng}$.

Bà Q yêu cầu Công ty MN trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại đơn yêu cầu phản tố, đề ngày 17/7/2018 và tại phiên tòa Bà Nguyễn Thị D đại diện bị đơn Công ty MN trình bày:

Vào năm 2007, Công ty MN có vay của Ngân hàng VA – Chi nhánh Phú Nhuận, nay là Chi nhánh Sài Gòn số tiền là: 5.000.000.000 đồng, để bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Để đảm bảo số tiền vay nói trên, Công ty MN có nhờ bà Vũ Thị Q đứng ra bảo lãnh nợ bằng cách thế chấp cho Ngân hàng VA căn nhà số 78A ĐK, phường BN, Quận A đúng như bà Q đã trình bày.

Đến năm 2008, theo đề nghị của Ngân hàng VA số tiền vay nói trên được Q đổi thành vàng với số lượng là 2.900 chỉ vàng SJC.

Theo hợp đồng tín dụng số 35/10/VAB-SG/HĐNH, ngày 01/2/2010, thì đến ngày 01/11/2010 là hết hạn. Tuy nhiên, do tình hình hoạt động của Công ty MN gặp khó, làm ăn thua lỗ và do giá vàng liên tục tăng cao nên việc trả nợ Ngân hàng gặp nhiều khó khăn.

Tháng 10 năm 2010, Công ty MN có văn bản đề nghị Ngân hàng VA gia hạn trả nợ thêm hai tháng hạn chót thanh toán là ngày 01/01/2011, nhưng Ngân hàng không đồng ý nên vào tháng 11 Ngân hàng khởi kiện Công ty MN tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó bà Q là người bảo lãnh tham gia tố tụng với tư cách là người có Quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty MN có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng nhưng do khó khăn nên đề nghị Ngân hàng cho khoan số nợ gốc 2.900 chỉ vàng SJC, không tính lãi kể từ ngày 01/11/2010. Về phần nợ gốc, Công ty MN xin trả chậm trong hạn từ 24 đến 36 tháng nhưng chưa được Ngân hàng VA đồng ý. Vụ việc đang trong quá trình thương lượng thì bất ngờ bà Q và Ngân hàng tự thỏa thuận thanh lý hợp đồng và vay mượn

tiếp, mà hoàn toàn không có thỏa thuận, thương lượng hoặc thông báo gì đến Công ty MN.

Trong khi đó tại Điều 11 của hợp đồng tín dụng nói trên (kể cả hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp) qui định rất rõ về Quyền và nghĩa vụ thông báo, rằng mọi thông báo, tài liệu giao dịch trong quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng VA phải thông báo cho bên vay và bên thế chấp. Như vậy, thỏa thuận thanh lý hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 35/10/VAB-SG/HĐNH ngày 01/02/2010 nêu trên là vi phạm và Giấy xác nhận nợ số 305/CNSG/11 ngày 29/3/2011 của Ngân hàng VA không có giá trị pháp lý. Đồng thời, bà Q sử dụng hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tiếp theo giữa Ngân hàng VA, Công ty KT, ông Đỗ Thành N và bà Đỗ Thị Tuyết L để tính lãi và buộc Công ty MN phải trả lãi là trái qui định của pháp luật. Vì vậy, Công ty MN làm đơn phản tố đề nghị Tòa án hủy bỏ thỏa thuận thanh lý hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 35/10/VAB/-SG/HĐNH ngày 01/2/2010 giữa bà Vũ Thị Q và Ngân hàng VA.

Tại phiên tòa, Công ty MN xác nhận còn nợ bà Q số vàng là 2.969,22 chỉ vàng SJC qui đổi tại thời điểm thanh toán và đồng ý trả vốn và lãi suất trong hạn, không đồng ý tính lãi quá hạn. Thời điểm tính lãi suất trong hạn theo qui định của pháp luật là từ ngày 29/3/2011 đến ngày 29/6/2014 (là Công ty MN đồng ý trả lãi suất trong hạn với thời gian tính lãi là 36 tháng). Vì thực tế Công ty MN nợ vàng nên theo qui định của pháp luật là không tính lãi, nhưng Công ty MN vẫn đồng ý trả lãi suất trong hạn 36 tháng kể từ ngày 29/3/2011 đến ngày 29/6/2014. Công ty MN không đồng ý với yêu cầu của bà Q về việc trả lãi quá hạn do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 29/3/2011 đến khi xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng VA do bà Lưu Thùy D đại diện trình bày:

- Đối với yêu cầu của bà Vũ Thị Q: Đây là tranh chấp giữa bà Vũ Thị Q với Công ty MN, toàn bộ khoản vay của Công ty MN tại Ngân hàng VA đã được tất toán. Do đó, Ngân hàng VA không có nghĩa vụ phát sinh liên quan đối với yêu cầu này.

- Đối với yêu cầu phản tố của Công ty MN: Căn cứ nội dung các thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng ngắn hạn nêu trên giữa Ngân hàng VA và Công ty MN; căn cứ hợp đồng thế chấp được ký kết giữa Ngân hàng VA, bà Q và Công ty MN thì bà Q có nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty MN. Ngày 29/3/2011, bà Q đã thực hiện nghĩa vụ trên với nợ gốc 2.900 chỉ vàng SJC, nợ lãi 96,57 chỉ vàng SJC (trong đó Ngân hàng VA đã giảm một phần lãi là 27,35 chỉ vàng SJC). Do đó, việc bà Q thực hiện trả nợ thay cho Công ty MN và tất toán hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng VA và Công ty MN là phù hợp với thỏa thuận của các bên và qui định của pháp luật.

Ngày 29/3/2011, Ngân hàng VA đã gửi Giấy xác nhận và Công văn có nội dung xác nhận bà Q đã trả nợ thay cho Công ty MN. Ngoài ra, Công ty MN cũng đã có các công văn yêu cầu Ngân hàng VA cung cấp chứng từ thanh lý hợp đồng tín dụng để lưu hồ sơ. Trong đó, tại công văn ngày 06/6/2011, Công ty MN đã xác nhận và đồng ý việc thanh lý hợp đồng tín dụng cũng như hoàn toàn không có ý kiến nào phản đối bằng văn bản việc bà Q trả nợ thay trong suốt thời gian từ khi phát sinh nợ quá hạn đến nay. Do đó, việc Công ty MN cho rằng không biết hoặc không được thông báo và không đồng ý về việc thanh lý hợp đồng tín dụng là hoàn toàn không có cơ sở.

Theo Q định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên giao dịch dân sự vô hiệu là 02 năm kể từ ngày giao dịch dân sự được xác lập. Như vậy, việc Công ty MN có đơn yêu cầu phản tố ngày 17/7/2018 yêu cầu tuyên bố hủy thỏa thuận thanh lý hợp đồng tín dụng đã vượt quá thời hiệu khởi kiện nên đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 125/2019/DS-ST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân Quận A đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc Công ty MN có mã số doanh nghiệp 0304820903 (đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 17/5/2013 - do bà Đỗ Thị Tuyết Mai làm đại diện theo pháp luật) phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà Vũ Thị Q số tiền nợ gốc và lãi là 22.586.219.642 đồng (hai mươi hai tỷ, năm trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm mười chín ngàn, sáu trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 10.799.053.140 đồng và tiền lãi là 11.787.166.502 đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Kể từ ngày bà Vũ Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty MN chưa thanh toán khoản tiền nêu trên thì Công ty MN còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty MN về yêu cầu hủy thỏa thuận thanh lý Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 35/VAB-SG/HĐNH ngày 01/02/2010 và Giấy xác nhận số 305/CNSG/11 ngày 29/3/2011 giữa bà Vũ Thị Q với Ngân hàng VA.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty MN phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí do yêu cầu phản tố không được chấp nhận nhưng được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Công ty MN đã nộp theo biên thu số AA/2017/0023352 ngày 31/7/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận A.

- Công ty MN còn phải nộp án phí là: 130.586.211 đồng (một trăm ba mươi triệu, năm trăm tám mươi sáu ngàn, hai trăm mười một đồng).

- Bà Vũ Thị Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 62.925.000 đồng (sáu mươi hai triệu, chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AD/2011/06537 ngày 15/3/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A.

5/ Về Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được Quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát có Quyền kháng nghị bản án theo Q định của pháp luật.

6/ Trong trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo Q định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Quyền thỏa thuận thi hành án, Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Q định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Q định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 10/5/2019, bị đơn Công ty MN có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án buộc Công ty MN trả lãi cho bà Vũ Thị Q trên số tổng số vàng đã vay là không đúng vì vay vàng không phải trả lãi; Công ty MN có yêu cầu phản tố, người có Quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng VA không có đơn yêu cầu áp dụng qui định về thời hiệu nhưng Tòa án tuyên bác đơn phản tố của Công ty MN với lý do thời hiệu đã hết thời hiệu Q định tại khoản 2 Điều 109 và điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Vũ Thị Q không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo Công ty MN không rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải Quyết vụ án.

- Người kháng cáo - Công ty MN có Bà Nguyễn Thị D đại diện theo ủy Quyền trình bày:

Công ty MN chỉ đồng ý trả cho bà Vũ Thị Q 2.969,22 chỉ vàng Q đòi tại thời điểm thanh toán, không đồng ý trả lãi. Vì thực tế Công ty MN nợ vàng nên theo Q định của pháp luật là vô hiệu nên không tính lãi suất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà Q. Trong trường hợp Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này thì yêu cầu hủy toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Cụ thể, Tòa án cấp sơ thẩm không ban hành Thông báo thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Nguyên đơn bà Vũ Thị Q trình bày:

Vào ngày 29/3/2011, bà Q thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ cho Ngân hàng VA thay Công ty MN bằng tiền đồng Việt Nam. Cụ thể, bà Q đã nộp 10.599.000.000 đồng tương đương với 2.900 chỉ vàng SJC nợ gốc và 352.963.350 đồng tương đương 96,57 chỉ vàng SJC nợ lãi. Sau đó, bà Q được nhận lại 99.964.250 đồng tương đương 27,35 chỉ vàng SJC do Ngân hàng giảm lãi phạt cho bà Q. Như vậy, bà Q đã nộp cho Ngân hàng VA 10.499.035.750 đồng.

Sau khi nộp tiền vào Ngân hàng, ngày 10/6/2011 bà Q gửi Giấy đòi nợ cho Công ty MN yêu cầu Công ty MN phải trả lại cho bà Q số tiền gần 11 tỷ đồng bà Q đã trả nợ thay cho Công ty MN và tiền lãi từ ngày 29/3/2011 đến ngày gửi Giấy đòi nợ là 500.000.000 đồng, yêu cầu trả chậm nhất là vào ngày 30/6/2011.

Do đó, bà Q yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty MN phải trả lại cho bà Q 10.499.035.750 đồng bà Q đã trả cho Ngân hàng VA thay Công ty MN và tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày 01/7/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước, yêu cầu trả một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

- Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng VA có ông Trần Đình Kh đại diện theo ủy Quyền trình bày:

Bà Q có thanh toán tiền vào Ngân hàng VA để mua vàng thanh toán cho số nợ gốc và lãi. Ngân hàng cung cấp cho Tòa án phiếu thu, thanh toán để có cơ sở xem xét theo Q định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải Quyết vụ án:

1. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng Q định pháp luật trong quá trình giải Quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

2. Về nội dung vụ án: Qua kháng cáo của Công ty MN, Viện kiểm sát nhận thấy Công ty MN không đưa ra được chứng cứ nào mới cho yêu cầu của mình. Bà Q đã thanh toán nợ gốc và lãi quá hạn cho Ngân hàng VA nên có Quyền yêu cầu Công ty MN phải trả nợ gốc và lãi quá hạn như án sơ thẩm là đúng Q định. Công ty MN yêu cầu hủy án vì Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu phản tố là không đúng. Vì vậy, đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của Công ty MN, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đơn kháng cáo của Công ty MN làm trong hạn luật định và đã làm thủ tục kháng cáo đúng theo Q định pháp luật là hợp lệ, nên có cơ sở chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu trả lại số tiền gốc của nguyên đơn

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn được các đương sự khác thừa nhận, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định:

Ngày 01/02/2010, Ngân hàng VA, Công ty MN và bà Vũ Thị Q ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 35/10/VAB-SG/HĐNH với nội dung: Ngân hàng VA cho Công ty MN vay 2.900 chỉ vàng SJC, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 9 tháng kể từ ngày 01/02/2010 đến ngày 01/11/2010, lãi suất trong hạn là 0,6%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thuộc Quyền sở hữu hợp pháp của bà Vũ Thị Q là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 78A (tầng 2) Đồng Khởi, phường BN, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 112/HĐTCBLVAB.PN ngày 24/10/2007 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 112/HĐTCBL-BS-01 ngày 01/02/2010.

Ngày 01/02/2010, Công ty MN ký Giấy nhận nợ (lần 1) nhận nợ số tiền là 2.900 chỉ vàng SJC theo Hợp đồng tín dụng số 35/10/VAB-SG/HĐNH ngày 01/02/2010.

Ngày 02/11/2010, Ngân hàng VA khởi kiện Công ty MN ra Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với lý do ngày 17/8/2010, Ngân hàng gửi thông báo cho Công ty MN yêu cầu bổ sung hồ sơ, chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn của Hợp đồng tín dụng số 35/10/VAB-SG/HĐNH ngày

01/02/2010, nhưng Công ty MN không thực hiện. Đồng thời, ngày 01/11/2010, Hợp đồng tín dụng số 35/10/VAB-SG/HĐNH ngày 01/02/2010 đến hạn nhưng Công ty MN không có khả năng trả nợ vay. Do đó, Ngân hàng VA khởi kiện Công ty MN yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty MN phải trả cho Ngân hàng VA 2.914,138 chỉ vàng SJC và lãi quá hạn phát sinh; trong trường hợp Công ty MN không trả được nợ ngay đề nghị phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 78A (tầng 2) đường ĐK, phường BN, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Vũ Thị Q để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Ngày 25/3/2011, bà Vũ Thị Q có đơn xin miễn giảm lãi phạt với nội dung: Bà Q là người đứng ra bảo lãnh cho Công ty MN vay tại Ngân hàng VA – Chi nhánh Sài Gòn. Do đến hạn Công ty MN không thanh toán được nợ, ngày 02/11/2010, Ngân hàng đã khởi kiện Công ty MN ra Tòa, với tư cách là người bảo lãnh cho Công ty MN, bà Q đứng ra thanh toán dứt nợ vay cho Ngân hàng VA. Để hỗ trợ bà Q thực hiện được nghĩa vụ bảo lãnh, đề nghị Ngân hàng xem xét và giải Quyết miễn, giảm tiền lãi phạt nhằm giảm bớt khó khăn cho bà Q.

Ngày 29/3/2011, bà Q nộp cho Ngân hàng VA 10.599.000.000 đồng với nội dung “bán 2.900 chỉ vàng SJC (thu hồi vốn Hợp đồng 35/10/VABSG/HDNH)” và 352.963.350 đồng với nội dung “bán 96,57 chỉ vàng SJC (thu lãi Hợp đồng 35/10/VAB-SG/HDNH)” theo phiếu mua bán ngoại tệ/vàng theo chứng từ FJB1108800003647 và số FJB1108800003606 của Ngân hàng VA. Tổng cộng, bà Q đã nộp 10.951.963.350 đồng. Cùng ngày 29/3/2011, bà Q được nhận lại 99.964.250 đồng (tương đương 27,35 chỉ vàng SJC) là tiền Ngân hàng VA giảm lãi phạt theo Phiếu chi số 330HA1110880001. Như vậy, vào ngày 29/3/2011 bà Q đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty MN số tiền là 10.499.035.750 đồng (tương đương với 2.969,22 chỉ vàng SJC).

Ngày 29/3/2011, Ngân hàng VA có Giấy xác nhận số 305/CNSG/11 về việc bà Vũ Thị Q trả nợ thay cho Công ty MN với nội dung xác nhận: “ Ngày 29/3/2011, bà Vũ Thị Q đã trả nợ thay Công ty MN với tổng số vàng là 2.969,22 chỉ vàng SJC trong đó nợ gốc là 2.900 chỉ vàng SJC, nợ lãi là 96,57 chỉ vàng SJC, số lãi được giảm là 27,35 chỉ vàng SJC.

Sau khi bà Q trả thay toàn bộ khoản nợ gốc, nợ lãi cho Công ty MN, ngày 27/11/2011, Ngân hàng VA đã có văn bản số 412/CV-CNSG/11 xin được rút toàn bộ đơn khởi kiện Công ty MN tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 29/4/2011, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định đình chỉ giải Quyết vụ án dân sự số 583/2011/QĐST-KDTM với lý do nguyên đơn rút toàn bộ đơn khởi kiện.

Ngày 10/6/2011, bà Q gửi Giấy đòi nợ yêu cầu Công ty MN phải thanh toán lại cho bà Q số tiền gần 11 tỷ đồng mà bà Q đã trả cho Ngân hàng VA thay Công ty MN vào ngày 29/3/2011 và tiền lãi từ ngày 29/3/2011 đến ngày gửi Giấy đòi nợ là 500.000.000 đồng, yêu cầu Công ty MN phải thanh toán chậm nhất là ngày 30/6/2011.

Như vậy, có cơ sở xác định, ngày 02/11/2010 đến hạn trả nợ toàn bộ khoản vay gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 35/10/VABSG/HDNH ký ngày 02/01/2010 nhưng Công ty MN không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng VA. Sau khi Ngân hàng VA khởi kiện Công ty MN ra Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, bà Q với tư cách là người bảo lãnh đã trả nợ thay cho Công ty MN số tiền là 10.499.035.750 đồng (tương đương với 2.969,22 chỉ vàng SJC).

Xét thấy, việc bà Q thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả nợ thay Công ty MN là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại điểm 5.2 Điều 5 của Hợp đồng thế chấp số 122/HĐTCBL-VAB.PN ngày 24/10/2007: “Trong trường hợp Hợp đồng tín dụng đến hạn trả nợ mà Bên C (Công ty MN) không trả được thì bên B (bà Vũ Thị Q) có nghĩa vụ trả thay”; phù hợp với Q định tại khoản 1 Điều 339 Bộ luật dân sự năm 2005: “Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình thì bên nhận bảo lãnh có Quyền yêu cầu bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh”; khoản 1 Điều 342 Bộ luật dân sự 2005 Q định về trách nhiệm của bên bảo lãnh: “Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó”. Căn cứ theo Q định tại Điều 340 Bộ luật dân sự năm 2005: “Bên bảo lãnh có Quyền yêu cầu bên được bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ đối với mình trong phạm vi nghĩa vụ bảo lãnh đã thực hiện” có cơ sở xác định bà Q khởi kiện yêu cầu Công ty MN trả số tiền bà Q đã trả cho Ngân hàng VA thay Công ty MN là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ thỏa thuận của các bên tại điểm 6.2 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 35/10/VAB-SG/HĐNH ngày 01/02/2010 các bên thỏa thuận: “khoản vay là vàng/ngoại tệ, trả nợ bằng đồng Việt Nam thì Q đổi theo giá bán vàng/ngoại tệ do Ngân hàng VA công bố tại thời điểm trả nợ”; Căn cứ chứng từ số FJB1108800003647 ngày 29/3/2011 của Ngân hàng VA thể hiện bà Q nộp 10.599.000.000 đồng với nội dung “bán 2.900 chỉ vàng SJC (thu hồi vốn Hợp đồng 35/10/VAB-SG/HDNH)”; Căn cứ chứng từ số FJB1108800003606 ngày 29/3/2011 thể hiện bà Q nộp cho Ngân hàng VA 352.963.350 đồng có cơ sở xác định bà Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty MN bằng tiền đồng Việt Nam là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 35/10/VAB-SG/HĐNH ngày 01/02/2010.

Căn cứ Phiếu chi số 330HA1110880001 ngày 29/3/2011 của Ngân hàng VA thể hiện bà Q được nhận lại 99.964.250 đồng tiền Ngân hàng VA giảm lãi

phạt cho Công ty MN (tương đương 27,35 chỉ vàng SJC). Như vậy, xác định bà Q đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng VA thay cho Công ty MN số tiền là 10.499.035.750 đồng.

Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q về việc tuyên buộc Công ty MN phải trả cho bà Q số tiền 10.499.035.750 đồng mà bà Q đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng VA thay cho Công ty MN phát sinh từ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 35/10/VAB-SG/HĐNH ngày 01/02/2010.

[3] Đối với yêu cầu về việc tính lãi suất chậm thanh toán

Ngày 10/6/2011, bà Q đã gửi Giấy đòi nợ yêu cầu Công ty MN phải thanh toán lại cho bà Q số tiền gần 11 tỷ đồng mà bà Q đã trả cho Ngân hàng VA thay Công ty MN vào ngày 29/3/2011 và tiền lãi từ ngày 29/3/2011 đến ngày 10/6/2011 là 500.000.000 đồng, yêu cầu thanh toán chậm nhất là ngày 30/6/2011. Tuy nhiên, Công ty MN không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lại cho bà Q. Như vậy, Công ty MN đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 01/7/2011.

Căn cứ Q định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 Q định về trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự: “2. Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán”.

Căn cứ Điều 1 Quyết định 2868/QĐ-NHNN năm 2010 về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 29/11/2010: “Q định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm”.

Từ các căn cứ trên có cơ sở xác định Công ty MN phải trả lãi đối với số tiền 10.499.035.750 đồng, tính từ ngày 01/7/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 08/5/2019 (7 năm 10 tháng 8 ngày) với mức lãi suất là 9%/năm, được tính cụ thể như sau:

$10.499.035.750 \text{ đồng} \times (7 + 10/12 + 8/30/12) \text{ năm} \times 9\%/năm = 7.422.818.275 \text{ đồng}.$

Như vậy tổng cộng Công ty MN phải trả cho bà Q tổng số tiền là 17.921.854.025 đồng.

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn

Ngày 02/01/2010, các bên ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 35/10/VAB-SG/HDNH, tại thời điểm này Quyết định 432/2000/QĐ-NHNN1 về nghiệp vụ huy động và sử dụng vốn bằng vàng, bằng VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng của các tổ chức tín dụng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 03/10/2000 đang có hiệu lực thi hành. Tại khoản 1 Điều 7 Quyết định 432/2000/QĐ-NHNN1 Q định: “1. Tổ chức tín dụng sử dụng nguồn vốn huy động bằng vàng để cho vay bằng vàng đối với khách hàng nhằm đáp ứng các nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống”. Như vậy, tại thời điểm các bên ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 35/10/VAB-SG/HDNH pháp luật cho phép các tổ chức tín dụng cho vay bằng vàng, phía bị đơn cho rằng hoạt động vay vàng là vi phạm điều cấm của pháp luật nên vô hiệu, từ đó không đồng ý trả lãi cho bà Q là không có cơ sở chấp nhận, mà chỉ chấp nhận một phần như đã nhận định ở trên.

[5] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không ban hành Thông báo thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 17/7/2018, Công ty MN có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án hủy bỏ thỏa thuận thanh lý Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 35/10/VAB-SG/HDNH ngày 01/02/2010 giữa bà Vũ Thị Q và Ngân hàng VA. Ngày 31/3/2018, Công ty MN đã nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0023352 của Chi cục thi hành án dân sự Quận A. Tại biên bản hòa giải ngày 13/3/2019, Tòa án cấp sơ thẩm đã hòa giải đối với yêu cầu phản tố của bị đơn. Tại bản án sơ thẩm số 125/2019/DS-ST ngày 08/5/2019, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm bị đơn có đơn yêu cầu phản tố, đã đóng tạm ứng án phí theo đúng Q định của pháp luật, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không ban hành Thông báo thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn là có thiếu sót. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn là bà Vũ Thị Q và người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng VA đều được biết về yêu cầu phản tố của bị đơn và đã đưa ra ý kiến đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, Tòa án cấp sơ thẩm đã hòa giải và giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn. Do đó, thiếu sót này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, không ảnh hưởng đến Quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm, không cần thiết phải hủy toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Từ các phân tích trên có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà Q, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty MN, sửa một phần bản án sơ thẩm số 125/2019/DSST ngày 08/05/2019 của Tòa án nhân dân Quận A,

Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh và hủy giao dịch dân sự”.

Tòa án cấp phúc thẩm chỉ có thẩm quyền xem xét trong phạm vi kháng cáo của các đương sự, kháng nghị của Viện kiểm sát. Do đó, những phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm

Bị đơn - Công ty MN phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 17.921.854.025 đồng phải trả cho bà Vũ Thị Q là 125,921,854 đồng. Ngoài ra, Công ty MN còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng do yêu cầu phản tố không được chấp nhận.

Nguyên đơn - bà Vũ Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Tuy nhiên, bà Q là người cao tuổi và có đơn xin được miễn án phí theo đúng Q định của pháp luật. Do đó, bà Q được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo Q định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 Q định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm

Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên Công ty MN không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

QUẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Q định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty MN, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 125/2019/DSST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh và yêu cầu hủy giao dịch dân sự”;

1.1. Buộc Công ty MN có mã số doanh nghiệp 0304820903 (đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 17/5/2013 - do bà Đỗ Thị Tuyết Mai làm đại diện theo pháp luật) phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà Vũ Thị Q số tiền nợ gốc và lãi là 17.921.854.025 đồng (mười bảy tỷ chín trăm hai mươi một triệu tám trăm năm mươi bốn ngàn không trăm hai lăm đồng). Thời hạn thanh toán: Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày bà Vũ Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty MN chưa thanh toán khoản tiền nêu trên thì Công ty MN còn phải trả khoản tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất theo Q định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty MN về việc yêu cầu hủy thỏa thuận thanh lý hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 35/VABSG/HĐNH ngày 01/02/2010 và Giấy xác nhận số 305/CNSG/11 ngày 29/3/2011 giữa bà Vũ Thị Q với Ngân hàng VA.

2. Về án phí

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty MN phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu phản tố không được chấp nhận nhưng được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Công ty MN đã nộp theo Biên lai số AAA/2017/0023352 ngày 31/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận A.

- Công ty MN còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 125.921.854 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu chín trăm hai mươi một ngàn tám trăm năm mươi tư đồng).

- Bà Vũ Thị Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 62.925.000 đồng (sáu mươi hai triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai số AD/2011/06537 ngày 15/3/2013 của Chi cục thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty MN được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai số 0007505 ngày 13/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận A.

3. Trong trường hợp bản án được thi hành theo Q định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Quyền thỏa thuận thi hành án, Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Q định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Q định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận A;
- Chi cục THADS Quận A;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS; VP (T/19).

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Toàn